

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng vốn Nhà nước vào đầu tư sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2012/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-BGTVT ngày 21/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam tại Tờ trình số 222/TTr-HĐTV ngày 06/5/2024, Báo cáo giải trình số 3116/BC-QLB ngày 23/5/2024 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng; Giao các chỉ tiêu làm căn cứ, đánh giá hiệu quả hoạt

*động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng và giao các chỉ tiêu làm căn cứ, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu và nhiệm vụ:

- Bảo đảm hoạt động bay an toàn, điều hòa, hiệu quả.
- Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại Công ty con; hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Chủ sở hữu giao trong đó có chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1. Kế hoạch cung ứng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay:

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam là doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công thông qua thu giá dịch vụ, đảm bảo các chỉ tiêu sau:

- Sản lượng dịch vụ (Lần chuyến điều hành bay): 800.370 lần chuyến, tăng 5,74% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:
 - Điều hành bay đi, đến: 426.130 lần chuyến, bằng 90,94% so với thực hiện năm 2023.
 - Điều hành bay quá cảnh: 374.240 lần chuyến, tăng 29,79% so với thực hiện năm 2023.
 - Km điều hành bay quy đổi: 1.782.928.670 km, tăng 6,71% so với thực hiện năm 2023.
 - Chất lượng dịch vụ: Bảo đảm an toàn, điều hòa và hiệu quả cho 100% chuyến bay trong vùng trách nhiệm được giao.

2.2. Kế hoạch tài chính:

- Tổng thu: 5.641.074.439.000 đồng, tăng 12,98% so với thực hiện năm 2023.
- Tổng doanh thu: 3.897.889.011.000 đồng, tăng 6,01% so với thực hiện năm 2023.
- Tổng chi: 2.798.146.375.000 đồng, tăng 8,50% so với thực hiện năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế: 885.594.109.000 đồng, tăng 3,77% so với thực hiện năm 2023 (sau khi trích quỹ khoa học công nghệ).
- Phải nộp ngân sách Nhà nước: 2.427.810.506.000 đồng, tăng 18,81% so với thực hiện năm 2023.

2.3. Kế hoạch đầu tư xây dựng:

- Tổng số dự án: 97 dự án.
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 9.575 tỷ đồng.
- Kế hoạch giải ngân trong năm 2024: 1.198 tỷ đồng.

(Chi tiết thể hiện tại Phụ lục kèm theo)

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1. Lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành tổ chức, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, đảm bảo điều hành bay an toàn - điều hòa - hiệu quả 100% các chuyến bay trong vùng trách nhiệm được giao.

- Triển khai tốt công tác kiểm tra, giám sát an toàn, an ninh tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. Tăng cường công tác kiểm tra và duy trì nghiêm chế độ trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan, kịp thời xử lý các tình huống đảm bảo điều hành bay an toàn tuyệt đối, đặc biệt trong các dịp lễ lớn trong năm.

- Ưu tiên thực hiện các giải pháp tăng cường tự thực hiện bảo trì, bảo dưỡng khai thác các trang thiết bị kỹ thuật hiệu quả, tiết kiệm chi phí và theo đúng quy định, tiêu chuẩn, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, ổn định, phục vụ cho các hoạt động bay và công tác điều hành bay.

3.2. Lĩnh vực kế hoạch đầu tư, tài chính, lao động - tiền lương:

- Xây dựng và điều hành Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 phù hợp và bám sát tình hình thực tế.

- Thực hiện tốt các chế độ tài chính, kế toán, tập trung thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán các dự án hoàn thành và nhiệm vụ chi thường xuyên. Thường xuyên rà soát, thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên.

- Cập nhật, rà soát lại các định mức kinh tế kỹ thuật các dịch vụ do Công ty con cung cấp phù hợp với tình hình thực tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và kế hoạch giải ngân các dự án chuyển tiếp năm 2023; Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm như: dự án thành phần 2 “Các công trình phục vụ quản lý bay” thuộc dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Trung tâm KSKL Hồ Chí Minh (ATCC/HCM), đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch đề ra; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đầu tư.

- Trên cơ sở kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025 được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, dự báo của ICAO và IATA đối với thị trường hàng không thế giới và khu vực, từ đó xây dựng và triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng, phân kỳ giải ngân và xác định nhu cầu vốn, cân đối khả năng đảm bảo nguồn vốn và xây dựng các kịch bản huy động vốn cho đầu

tư phát triển, đảm bảo thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm chuyên ngành theo đúng tiến độ tại Quyết định 236/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 22/QĐ-BGTVT về kế hoạch tổng thể phát triển hệ thống thông tin, dẫn đường, giám sát và quản lý không lưu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Tích cực bám sát, giải trình với Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam trong việc thực hiện các thủ tục đất đai, chuẩn bị đầu tư các dự án trọng điểm. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan, khẩn trương hoàn thành công tác tiếp nhận tài sản đảm bảo hoạt động bay từ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 2. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam:

1. Tổ chức triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật, sử dụng và quản lý vốn Nhà nước đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức triển khai các giải pháp nêu tại Điều 1.

2. Hoàn thành các chỉ tiêu làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp được giao.

Điều 3. Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024 của Tổng công ty theo đúng quy định.

Điều 4. Vụ Quản lý doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan của Bộ Giao thông vận tải theo chức năng, nhiệm vụ được phân công giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2024 và các chỉ tiêu làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2024 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Cục HKVN;
- Các Vụ: TC, KHĐT, VT, TCCB;
- TTCNTT (để công bố);
- Lưu VT, QLDN (Doanh-5b);

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

5
PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày / /2024 của Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN	NGƯỜI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	CHỦ ĐẦU TƯ	THỜI GIAN CHUẨN BỊ DỰ ÁN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIẢI NGÂN TRONG NĂM 2024	LŨY KẾ GIẢI NGÂN TỪ KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẾN HẾT NĂM 2024
I	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ BAY							2.244.129.425	219.934.343	564.451.250
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								1.679.548.911	200.770.155	545.287.061
1	Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Nội Bài	Sân bay Nội Bài	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2016-2017	2017-2025	234.927.690	27.952.131	57.101.714
2	Trạm radar thứ cấp Vinh	Sân bay Vinh	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2016	2016-2025	128.864.813	11.540.398	47.206.479
3	Trạm radar thứ cấp Quy Nhơn	Sân bay Quy Nhơn	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2015	2015-2025	132.081.126	12.516.628	46.391.721
4	Trạm radar sơ cấp, thứ cấp Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2017-2020	2020-2025	255.295.461	31.956.473	56.791.185
5	Đài KSKL Buôn Mê Thuột	Sân bay BMT	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2015-2018	2018-2024	74.043.609	11.743.746	58.795.532
6	Mạng giám sát ADS-B khu vực phía Nam (Quyết toán)	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2018	2018-2022	88.640.467	5.234.347	75.056.481
7	Hệ thống phục vụ sửa chữa các hệ thống radar	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2018	2019-2025	139.198.717	100.000	142.262

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
8	Hệ thống D-ATIS tại Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất, Cam Ranh	ĐN,TS,CR	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2018-2021	2021-2023	24.415.072	6.320.501	7.803.650
9	Trạm VSAT khu vực miền Trung miền Nam	Khu vực miền Trung-Nam	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2018-2021	2022-2024	77.820.283	35.407.984	40.590.394
10	Mạng thông tin ATN mặt đất	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2019-2023	2024-2026	200.000.000	648.692	948.931
11	Hệ thống nguồn DC cho các đài trạm thuộc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2019-2021	QIV/2021-QII/2023	44.736.404	1.851.845	34.808.163
12	Hệ thống VCCS và VHF cho các đài KSKL địa phương	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2019-2020	2020-2023	44.939.806	1.651.151	27.713.626
13	Cải tạo sửa chữa nhà A và đầu tư mới Hệ thống điều hòa không khí tại nhà A TCT	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2020-2022	2022-2024	44.663.069	8.920.797	8.920.797
14	Cơ sở làm việc Công ty Quản lý bay miền Trung	Công ty QLBT	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2016	2017-2025	149.922.394	44.825.462	80.664.584
15	Ứng dụng CNTT cho công tác điều hành sản xuất	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2017-2020	2020-2027	40.000.000	100.000	2.351.542
Dự án đăng ký mới năm 2024								564.580.514	19.164.188	19.164.189

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRI THỰC	LŨY KẾ GIẢI
1	Cải tạo, thay mới mái tôn và cung cấp lắp đặt hệ thống thang máy cho tòa nhà A Tổng công ty	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBN	2023	2024	4.904.570	4.168.885	4.168.885
2	Xây dựng trung tâm Quản lý hệ điều hành mạng (NOC) và trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC)	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBN	2024	2024-2026	100.000.000	100.000	100.000
3	Hệ thống Quản lý thông tin diện rộng (SWIM) của Tổng công ty QLBN	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBN	2024	2024-2027	56.000.000	100.000	100.000
4	Đầu tư hệ thống AWOS tại CHK Đà Nẵng- Liên Khương- Cần Thơ- Vinh	Đà Nẵng, Liên Khương, Cần Thơ, Vinh	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBN	2024	2024-2025	80.000.000	100.000	100.000
5	Radar thời tiết và hệ thống cảnh báo gió đứt khu vực sân bay Cam Ranh	Cam Ranh	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBN	2024	2024-2027	160.000.000	100.000	100.000
6	Đầu tư hệ thống cảnh báo, chống xâm nhập các khu vực hạn chế của Tổng công ty	33 khu vực hạn chế của TCTQLB VN	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBN	2024	2024-2025	83.141.601	8.314.160	8.314.160

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
	Quản lý bay Việt Nam									
7	Bổ sung phương tiện thoát hiểm, dụng cụ phá dỡ và thiết bị bảo hộ cá nhân tại cabin các đài kiểm soát không lưu của Tổng công ty	Các đài kiểm soát không lưu	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2024	2024-2025	51.728.782	5.172.878	5.172.878
8	Mua sắm máy soi, công từ, thiết bị phát hiện chất nổ cho Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận-Tại sân Cam Ranh, Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận-Tại sân Đà Nẵng, Đài KSKL Cát Bi	Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận-Tại sân Cam Ranh, Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận-Tại sân Đà Nẵng, Đài KSKL Cát Bi	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBVN	2024	2025-2026	20.561.545	444.593	444.593
9	Trang bị hệ thống kiểm soát thẻ từ thang máy các Đài KSKL của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam	16 Đài KSKL	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBVN	2024	2025-2026	8.244.017	663.672	663.672
II	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LONG THÀNH							3.435.251.000	387.060.293	477.398.819
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								3.435.251.000	387.060.293	477.398.819

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
1	Dự án thành phần 2: Các công trình phục vụ quản lý bay thuộc dự án CHKQT Long Thành giai đoạn 1	CHKQT Long Thành	Vốn của TCT và vốn vay thương mại	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2016-2019	2020-2025	3.435.251.000	387.060.293	477.398.819
III BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ATCC/HCM								1.612.654.373	369.867.862	438.236.810
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								1.612.654.373	369.867.862	438.236.810
1	Trạm radar thứ cấp Cà Mau	Sân bay Cà Mau	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2016	2016-2025	117.015.498	9.927.344	39.460.058
2	Trung tâm kiểm soát không lưu Hồ Chí Minh-ATCC/HCM	AACC	Vốn của TCT và vốn vay thương mại	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2017-2021	2021-2025	1.495.638.875	359.940.518	398.776.752
IV KHỐI CƠ QUAN TỔNG CÔNG TY								226.633.329	28.978.913	42.708.303
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								216.973.329	19.318.913	33.048.303
1	Cơ sở kinh doanh dịch vụ tại Trung tâm Văn hóa Hàng không (Quyết toán)	Trung tâm VHHK	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV		2021-2022	14.966.042	879.083	13.597.552
2	Máy đo gió, nhiệt ẩm dự phòng cho toàn Tổng công ty	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBNV	2020-2022	2022-2024	8.243.412	4.275.955	5.286.876
3	Thiết bị an ninh mạng IPS/IDS và firewall	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Tổng công ty QLBNV	2019-2023	2023-2026	180.000.000	400.000	400.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
4	Mua sắm hệ thống quản lý phần mềm ứng dụng cho Khối cơ quan Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBVN	2022-2023	2023-2024	4.442.355	4.442.355	4.442.355
5	Cải tạo nhà 2 tầng tại Trung tâm Văn hóa hàng không.	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBVN	2020-2023	2024	7.821.520	7.821.520	7.821.520
6	Mở rộng hệ thống truyền hình trực tuyến cho Trung tâm Khí tượng Hàng không, Văn phòng Tổng công ty, Trụ sở Công ty Quản lý bay miền Nam	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBVN	2023	2024	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Dự án đăng ký mới năm 2024								9.660.000	9.660.000	9.660.000
1	Phương tiện vận tải của Tổng công ty	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBVN	2023	QI/2024-QIV/2024	9.660.000	9.660.000	9.660.000
V	TRUNG TÂM QUẢN LÝ LUỒNG KHÔNG LƯU							2.300.000	50.000	50.000
Dự án đăng ký mới năm 2024								2.300.000	50.000	50.000
1	Hệ thống hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn	Trung tâm PHTKCN	Vốn của TCT	Giám đốc Trung tâm QLLKL	Trung tâm QLLKL	2024	QI/2024-QIV/2025	2.300.000	50.000	50.000
VI	CÔNG TY QUẢN LÝ BAY MIỀN BẮC							545.152.684	76.346.370	120.503.641
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								158.178.645	49.108.482	93.265.753

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
1	Hệ thống quan trắc tự động AWOS tại CHK Điện Biên (Quyết toán)	Sân bay Điện Biên	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2021	2022-2023	17.621.119	3.145.446	13.042.056
2	Đài KSKL Điện Biên	Sân bay Điện Biên	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2021	2022-2024	93.030.470	45.704.717	79.965.378
3	Đầu tư cơ sở tiếp cận Cát Bi	Sân bay Cát Bi	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2022-2023	2024-2025	47.527.056	258.319	258.319
Dự án đăng ký mới năm 2024								386.974.039	27.237.888	27.237.888
1	Nâng cấp tường rào bốt gác trạm radar Nội Bài theo quy chế an ninh.	Công ty QLBBM	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	2024	QI/2024-QIV/2024	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Tổng đài nội bộ 4 số công nghệ IP+Analog (Cả phần cứng, phần mềm) dung lượng 256 số (128 license)	Công ty QLBBM	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	2024	QI/2024-QIV/2024	1.500.000	1.500.000	1.500.000
3	VHF AG, ADS-B tại Tam Đảo	Tam Đảo	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2025	20.000.000	4.000.000	4.000.000
4	Đầu tư VHF AG tại Phadin, Đồng Hới	Phadin, Đồng Hới	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2025	16.000.000	3.200.000	3.200.000
5	Trang thiết bị ứng phó tại ACC Nội Bài	Công ty QLBBM	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2025	32.833.110	50.000	50.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
6	Đầu tư thay thế tuyến cáp quang từ TWR Đồng Hới đến trạm khí tượng	Công ty QLBBM	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	2024	QI/2024-QIV/2025	4.262.048	50.000	50.000
7	Đầu tư thay thế Radar PSR/SSR Nội Bài	Nội Bài	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2026	171.378.881	17.137.888	17.137.888
8	Đầu tư thay thế nâng cấp thiết bị A-SMGCS Nội Bài	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2028	120.000.000	100.000	100.000
9	Thay thế điều hòa chiler tại TWR Nội Bài	Nội Bài	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBBM	2024	2024-2025	20.000.000	200.000	200.000
VII	CÔNG TY QUẢN LÝ BAY MIỀN TRUNG							492.411.554	48.679.255	57.884.939
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								315.022.307	40.012.008	49.217.692
1	Đầu tư thiết bị VHF A/G và các thiết bị phụ trợ để thiết lập vị trí điều hành bay GCU Cam Ranh (Quyết toán)	Sân bay Cam Ranh	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	QII/2022-QI/2023	QI/2023-QIV/2023	2.970.000	550.147	2.751.063
2	Thay thế các máy VHF dự phòng khẩn cấp (ultimate backup) (Quyết toán)	Đà Nẵng	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	QI/2023-QIII/2023	QIV/2023-QII/2024	1.000.000	198.660	993.300
3	Các thiết bị nguồn DC và hệ thống phân phối nguồn điện cho	Sân bay Cam Ranh	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBBM	Công ty QLBBM	QI/2023-QIII/2023	QIII/2023-QI/2024	3.000.000	537.589	2.687.947

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
	Trung tâm Kiểm soát Tiếp cận – Tại sân Cam Ranh (Quyết toán)									
4	Đầu tư hệ thống quan trắc khí tượng tự động AWOS tại Cảng Hàng không Tuy Hòa	Sân bay Tuy Hòa	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBT	2020-QI/2021	2021-2024	28.437.686	9.970.177	14.029.947
5	Hệ thống máy phát điện và UPS tại Trung tâm KS TC-TS Đà Nẵng	Sân bay Đà Nẵng	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBT	QI/2023-QIV/2023	QI/2024-QIV/2024	10.107.284	7.075.099	7.075.099
6	Đường truyền UHF cho hệ thống quan trắc thời tiết tự động (AWOS) tại sân bay Phú Bài	Sân bay Phú Bài	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2023-QIII/2023	QIV/2023-QIII/2024	991.446	792.448	792.448
7	Hệ thống AWOS cho đường cất hạ cánh mới tại Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBT	2023-QIII/2024	2024-2025	24.000.000	3.600.000	3.600.000
8	Radar mới thay thế radar Thales tại trạm Sơn Trà 1	Sân bay Đà Nẵng	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBT	2024	2024-2026	171.378.881	17.137.888	17.137.888
9	Đầu tư hệ thống SIM cho TWR Đà Nẵng và SBĐP	Đà Nẵng	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBT	2024	QI/2024-QIII/2025	68.137.010	100.000	100.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
10	Nội thất hội trường phòng họp Nhà điều hành Công ty Quản lý bay miền Trung	Đà Nẵng	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBT	2024	2025	5.000.000	50.000	50.000
Dự án đăng ký mới năm 2024								177.389.247	8.667.247	8.667.247
1	Thay thế máy ghi âm 32 kênh tại các Đài KSKL Chu Lai, Phù Cát	Chu Lai, Phù Cát	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2024-QIII/2024	QIV/2024-QII/2025	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Đường truyền vô tuyến cho hệ thống AWOS Phù Cát và Chu Lai	AWOS Chu Lai, Phù Cát	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2024-QIII/2024	QIV/2024-QII/2025	2.830.000	283.000	283.000
3	Thay thế UPS và hệ thống STS, tủ phân phối cho Đài KSKL Tuy Hòa	Tuy Hòa	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2024-QIII/2024	QIV/2024-QII/2025	2.550.000	255.000	255.000
4	Thay thế các máy VHF dự phòng khẩn cấp (Ultimate backup) cho Đài KSKL Cam Ranh và Chu Lai	Cam Ranh, Chu Lai	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2024-QIII/2024	QIV/2024-QII/2025	1.000.000	800.000	800.000
5	Nâng cấp khu nhà làm việc để bố trí vị trí điều hành bay tại Đài KSKL Chu Lai	Chu Lai	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBT	Công ty QLBT	QI/2024-QIV/2024	QI/2025-QI/2026	3.900.000	300.000	300.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
6	Đầu tư, lắp đặt Anten và thiết bị Phòng Điều hành bay tại Đài KSKL Chu Lai	Chu Lai	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBM T	Công ty QLBM T	QI/2024-QIV/2024	QI/2025-QI/2026	2.630.000	200.000	200.000
7	Nâng cấp đoạn đường vào Đài KSKL Phù Cát	Phù Cát	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBM T	Công ty QLBM T	QI/2024-QIII/2024	QIII/2024-QII/2025	4.050.000	600.000	600.000
8	Nâng cấp hệ thống quan trắc khí tượng tự động (AWOS900) cho sân bay Phú Bài	Phú Bài	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBM T	Công ty QLBM T	QI/2024	QI/2024-QIV/2024	4.979.247	4.979.247	4.979.247
9	Nhà làm việc phục vụ công tác đảm bảo kỹ thuật tại APP Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBM T	2024-2025	QIII/2025-QII/2026	14.700.000	100.000	100.000
10	Hệ thống ATM cho Trung tâm KSTCTS Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBM T	2024-2025	QIII/2025-QIV/2026	120.000.000	50.000	50.000
11	Quy hoạch bố trí lại khu vực làm việc, khai thác cho bộ phận kỹ thuật - khí tượng tại Đài KSKL Phú Bài	Phú Bài	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBM T	QI/2024-QIV/2024	QI/2025-QIV/2026	19.750.000	100.000	100.000
VIII	CÔNG TY QUẢN LÝ BAY MIỀN NAM							769.707.329	33.582.278	90.251.837
Dự án chuyên tiếp từ năm 2023								746.960.854	23.236.298	79.905.857
1	Nâng cấp hệ thống quản lý không lưu	Công ty QLBM N và các sân	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBM N	2020	2020-2023	17.595.455	30.000	16.836.667

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
	AACC/HCM phục vụ xử lý dữ liệu ADS-B (Quyết toán)	bay địa phương								
2	Thay thế hệ thống VCCS tại AACC/HCM (Quyết toán)	AACC	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2020	QIII/2020- QI/2024	37.922.770	30.000	15.028.074
3	Trạm VHF cho phân khu 2 Buôn Ma Thuật (Quyết toán)	BMT	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBMN	2022	2022-2023	8.987.898	382.372	7.282.310
4	Hệ thống AWOS tại cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất (Quyết toán)	TSN	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2021	QIV/2021- QI/2024	23.974.844	867.228	18.000.108
5	Hệ thống quan trắc tự động AWOS tại cảng HK Phú Quốc	Cảng HK Phú Quốc	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBMN	2023	2023-2025	12.108.096	1.210.810	1.210.810
6	Hệ thống VHF cho phân khu 7 và GCU Phú Quốc	TWR/PQ	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBMN	2023	QIII/2023- QIII/2024	5.992.910	3.328.000	4.160.000
7	Trạm radar thứ cấp, VHF, ADS- B Phú Quý	Trạm Phú Quý	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2024	2024-2026	180.000.000	50.000	50.000
8	Đầu tư mới trạm Radar sơ cấp và thứ cấp kết hợp thay thế trạm Radar Trac2000	Radar Trac 2000	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2024	2024-2026	171.378.881	17.137.888	17.137.888

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
9	Xây dựng Đài KSKL Côn Sơn mới	Sân bay Côn Đảo	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2024	2024-2026	131.000.000	50.000	50.000
10	Hệ thống quan trắc tự động AWOS tại cảng HK Côn Đảo	Sân bay Côn Đảo	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2023	2024-2026	38.000.000	50.000	50.000
11	Đầu tư thay thế nâng cấp thiết bị A-SMGCS Tân Sơn Nhất	Tân Sơn Nhất	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Công ty QLBMN	2024	2024-2028	120.000.000	100.000	100.000
Dự án đăng ký mới năm 2024								22.746.475	10.345.980	10.345.980
1	02 Máy ghi âm cho Đài KSKL Liên Khương, Phú Quốc	LKG, PQC	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QI/2025	1.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Thiết bị đo VHF đa năng	AACC	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2024	1.950.165	1.950.165	1.950.165
3	02 máy đo chân mây cho hệ thống AWOS	AACC HCM; LK	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2024	1.800.000	1.800.000	1.800.000
4	Mở rộng hệ thống camera giám sát tại các cơ sở của Công ty Quản lý bay miền Nam	Công ty QLBMN và các sân bay địa phương	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2024	1.555.000	1.555.000	1.555.000
5	Hệ thống PCCC kho thiết bị Công ty Quản lý bay miền Nam tại 58 Trường Sơn	Kho 58 Trường Sơn	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2025	3.200.165	300.000	300.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
6	Cải tạo hệ thống PCCC tại AACC HCM	AACC HCM	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2025	9.950.330	450.000	450.000
7	Trang thiết bị phục vụ huấn luyện chuyên ngành CNTT	Công ty QLBMN	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	Q1/2024-QIV/2024	1.750.815	1.750.815	1.750.815
8	Thiết bị thu phát HF cho Trung tâm TKCN	Trung tâm TKCN	Vốn của TCT	Giám đốc Công ty QLBMN	Công ty QLBMN	2024	QI/2024-QIV/2024	1.540.000	1.540.000	1.540.000
IX	TRUNG TÂM THÔNG BÁO TIN TỨC HÀNG KHÔNG							164.990.101	19.757.721	108.567.812
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								112.518.101	5.398.721	108.567.812
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD) khu vực 2 và 3 của các sân bay Điện Biên, Thọ Xuân, Chu Lai, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột, Rạch Giá, Cà Mau, Côn Đảo	Trung tâm TBTTHK	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Trung tâm TBTTHK	2021	2021-2023	109.601.235	5.266.213	105.833.442
2	Xây dựng tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng	Trung tâm TBTTHK	Vốn của TCT	Giám đốc Trung tâm TBTTHK	Trung tâm TBTTHK	2023	QII/2023-QII/2024	2.916.866	132.508	2.734.370
Dự án đăng ký mới năm 2024								52.472.000	14.359.000	14.359.000
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại vật điện tử hàng không (eTOD)	Trung tâm TBTTHK	Vốn của TCT	Giám đốc Trung tâm TBTTHK	Trung tâm TBTTHK	2024	QI/2024-QIV/2024	912.000	583.000	583.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
	khu vực 3 của sân bay Điện Biên									
2	Bộ phần mềm bản quyền ArcGIS Pro và các tiện ích mở rộng trong lĩnh vực Hàng không	Trung tâm TBTTHK	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Trung tâm TBTTHK	2024	QI/2024-QIV/2024	11.560.000	9.826.000	9.826.000
3	Nâng cấp hệ thống Quản lý khai thác ETOD	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Trung tâm TBTTHK	2024	2024-2025	10.000.000	100.000	100.000
4	Hệ thống quản lý và phân tích sự kiện An toàn thông tin	Tổng công ty	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Trung tâm TBTTHK	2024	2024-2025	5.000.000	100.000	100.000
5	Nâng cấp mở rộng chức năng tính toán tầm phủ các trang thiết bị CNS của hệ thống thiết kế Phương thức bay	Tổng công ty	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Trung tâm TBTTHK	2024	2024-2025	25.000.000	3.750.000	3.750.000
X	TRUNG TÂM ĐÀO TẠO HUẤN LUYỆN							1.408.615	1.408.615	1.408.615
Dự án chuyển tiếp từ năm 2023								428.615	428.615	428.615
1	02 máy chủ cho hệ thống đào tạo trực tuyến và thư viện điện tử	Trung tâm ĐT-HL	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBN	2023	QIV/2023-QI/2024	428.615	428.615	428.615
Dự án đăng ký mới năm 2024								980.000	980.000	980.000
1	Phần mềm Quản lý Đào tạo và Đào tạo trực tuyến.	Trung tâm ĐT-HL	Vốn của TCT	Tổng giám đốc	Tổng công ty QLBN	2023-2024	QI/2024-QIV/2024	980.000	980.000	980.000

				NGƯỜI		THỜI	THỜI		GIÁ TRỊ THỰC	LŨY KẾ GIẢI
XI	TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG HÀNG KHÔNG							69.054.023	724.534	724.534
Dự án đăng ký mới năm 2024								69.054.023	724.534	724.534
1	Xây dựng Hệ thống CSDL khí tượng hàng không	Trung tâm KTHK	Vốn của TCT	Hội đồng thành viên	Trung tâm KTHK	2024	QI/2024-QIV/2027	69.054.023	724.534	724.534
XII	ĐẦU TƯ NHỎ LẺ							11.200.000	11.200.000	11.200.000
TỔNG CỘNG								9.574.892.433	1.197.590.184	1.913.386.559